TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Huy Phong.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Cao Hoài Hiêm;
2. Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- **Thư ký phiên tòa**: ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:** bà Lê Huỳnh Như Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị NKN, sinh năm 2000; địa chỉ: khu phố HĐ, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh PVL, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp TT, xã HT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị NKN trình bày:

Chị NKN và anh PVL là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, ngày 23-10-2019.

Chị NKN ở thị xã HT, còn anh PVL ở thị xã TB. Năm 2016 anh PVL lên thành phố TN chơi thì gặp chị NKN. Quen nhau được 04 năm, đến năm 2019 thì quyết định kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở nhà cha mẹ anh NVL tại ấp TT, xã HT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 05-2020 khi chị NKN mang thai được 06 tháng, trong thời gian chị NKN dưỡng thai tại nhà cha mẹ chị NKN, anh PVL quen một người con gái chưa đủ 16 tuổi, có quan hệ tình dục nên bị xử phạt 07 năm tù về tội "Hiếp dâm người dưới 16 tuổi".

Ngày 23-7-2020, anh PVL bị bắt đi chấp hành án tại Trại giam CC (phân trại giam số 01, đội số 22, tổ nấu ăn), thuộc xã TT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Anh PVL bị bắt đi chấp hành án, một mình chị NKN đi làm và chăm sóc 02 con áp lực rất lớn, nhưng gia đình anh PVL cũng không quan tâm.

Do cả hai không gặp nhau, không gần gũi nhau, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên chị NKN yêu cầu được ly hôn anh PVL.

Về con chung: có 02 con chung là cháu PBN và cháu PNN, sinh đôi ngày 10-8-2020. Hiện nay 02 con chung đang sống với chị NKN tại nhà cha mẹ chị NKN. Khi ly hôn chị NKN yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh PVL cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh PVL trình bày:

Anh PVL và chị NKN là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, ngày 23-10-2019.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở nhà cha mẹ anh PVL tại ấp TT, xã HT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Hiện anh PVL đang chấp hành án 07 năm tù về tội "Hiếp dâm người dưới 16 tuổi", tại Trại giam CC (phân trại giam số 01, đội số 22, tổ nấu ăn), thuộc xã TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Về hôn nhân: anh PVL đồng ý ly hôn với chị NKN.

Về con chung: có 02 con chung là cháu PBN và cháu PNN, sinh đôi ngày 10-8-2020. Anh PVL đồng ý giao 02 con chung cho chị NKN nuôi, anh PVL không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tống đạt thông báo, văn bản cho đương sự, giao thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát, đương sự đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và Gia đình xem xét quyết định:

- Về hôn nhân: cho chị NKN ly hôn anh PVL.

- Về con chung: giao 02 con chung là cháu PBN và cháu PNN, sinh đôi ngày 10-8-2020 cho chị NKN chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh PVL không phải cấp dưỡng nuôi con do chị NKN không yêu cầu.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: chị NKN phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: chị NKN và anh PVL vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị NKN và anh PVL.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị NKN khởi kiện anh PVL có địa chỉ ấp TT, xã HT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh về việc xin ly hôn và yêu cầu được nuôi 02 con chung.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: chị NKN và anh PVL tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, ngày 23-10-2019. Nên hôn nhân giữa chị NKN và anh PVL là hợp pháp.

Từ tháng 7-2020 tới nay, chị NKN sống tại nhà cha mẹ ruột còn anh PVL chấp hành án 07 năm tù về tội "Hiếp dâm người dưới 16 tuổi", tại Trại giam CC. Từ khi anh PVL bị bắt đi chấp hành án một mình chị NKN đi làm và chăm sóc 02 con áp lực rất lớn, nhưng gia đình anh PVL cũng không quan tâm. Chị NKN xác định do cả hai không gặp nhau, không gần gũi nhau, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên chị NKN yêu cầu được ly hôn anh PVL.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa chị NKN và anh PVL không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định trên.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị NKN và anh PVL trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ và anh PVL cũng đồng ý ly hôn với chị NKN. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị NKN đối với anh PVL.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung là cháu PBN và cháu PNN, sinh đôi ngày 10-8-2020, đang sống cùng chị NKN. Hiện anh PVL đang đang chấp hành án 07 năm tù về tội "Hiếp dâm người dưới 16 tuổi", tại Trại giam CC và anh PVL đồng ý giao 02 con chung cho chị NKN nuôi.

Do đó, để đảm bảo về điều kiện hoàn cảnh và sự phát triển bình thường của cháu PBN và cháu PNN nên giao 02 cháu cho chị NKN chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh PVL không phải cấp dưỡng nuôi con do chị NKN không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: chị NKN và anh PVL không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Vê nợ chung: chị NKN và anh PVL trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị NKN là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NKN về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh PVL.

1. Về hôn nhân: cho chị NKN ly hôn anh PVL.

2. Về con chung: giao 02 con chung là cháu PBN và cháu PNN, sinh đôi ngày 10-8-2020 cho chị NKN chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh PVL không phải cấp dưỡng nuôi con do chị NKN không yêu cầu; anh PVL có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị NKN và anh PVL không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: chị NKN và anh PVL trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: chị NKN phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu số 0026942 ngày 01 tháng 12 năm 2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

6. Chị NKN và anh PVL có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Tx Trảng Bàng;
- Chi cục THADS Tx Trảng Bàng;
- UBND xã Hưng Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Huy Phong